TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **40**/2017/DSST.
Ngày: 19/9/2017.
V/v: *"Tranh chấp về hụi" và "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

- THnh phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Văn Thành.

2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân – Thư ký TAND huyện Tánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2017/TLST – DS ngày 17 tháng 5 năm 2017; về việc *"Tranh chấp về hụi" và "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2017/QĐST-DS, ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Kỳ L, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn 3, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1971 và ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1972; Cùng trú địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn 3, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Châu D, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn 7, xã N, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt.

- Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn 3, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - ông Trần Kỳ L yêu cầu:

Ông L khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H, ông Huỳnh Ngọc T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông L, bà N số tiền 50.500.000đ, không yêu cầu tính lãi. Nguồn gốc số nợ xuất phát từ việc vợ chồng bà H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền hụi và tiền vay, cụ thể như sau:

Vợ chồng bà H, ông T tham gia dây hụi 3.000.000đ do ông L làm chủ hụi, mở ngày 25/3/2015 âm lịch, tháng 12/2016 âm lịch mãn hụi, trong dây hụi này có 22 phần, bà H tham gia 1 phần (chung phần với ông D, bà Phó chủ nhà nghỉ Thịnh Phát ở xã N; bà H tham gia 1.500.000 đồng và ông D tham gia 1.500.000 đồng). Đến tháng 4/2015, bà H và ông D cùng hốt phần hụi này, khi giao tiền hụi có viết vào tờ giấy lịch cho ông D cất giữ. Sau khi hốt phần hụi này, ông D đóng đầy đủ hụi chết cho đến khi mãn. Riêng bà H chỉ đóng hụi chết đến tháng 8/2016 âm lịch thì ngưng đóng, tính đến thời điểm mãn hụi (tháng 12/2016 âm lịch) H không đóng 4 tháng, tổng cộng số tiền hụi chết phải đóng là 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong dây hụi này bà H thừa nhận đóng hụi đến tháng 9/2016 âm lịch và chỉ còn thiếu lại ông L 3 tháng hụi chết với số tiền **4.500.000** đồng thì ông L cũng chấp nhận.

Vợ chồng bà H tham gia dây hụi 5.000.000đ, do ông L làm chủ, mở ngày 5/9/2015 đến tháng 5/2017 mãn hụi, có 22 phần hụi, bà H tham gia 1 phần và hốt vào tháng đầu tiên; ông L đã giao tiền hụi vợ chồng bà H nhận số tiền 100.000.000 đồng, có viết giấy chồng tiền hụi, vợ chồng bà H cùng ký vào giấy và giao cho ông L giữ. Sau khi hốt phần hụi này, bà H đóng hụi chết từ tháng 10/2015 đến tháng 9/2016 thì ngưng; do vợ chồng bà H không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết, nên ông L phải đóng thay cho vợ chồng bà H 8 tháng còn lại, mỗi tháng 5.000.000đ, tổng cộng **40.000.000đ**.

Ngoài ra vợ chồng bà H còn vay của ông L số tiền **6.000.000đ** nhưng chưa trả. Số tiền mà vợ chồng bà H, ông T còn nợ là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng ông L và bà Huỳnh Thị N.

Riêng về dây hụi có liên quan đến bà Phạm Thị Tự với số tiền 27.000.000đ thì ông L tự nguyện rút yêu cầu tại phiên tòa.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị Thu H trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà H công nhận có tham gia chơi hụi do ông L làm chủ và có vay tiền góp của ông L. Bà H xác định hiện nay còn thiếu vợ chồng ông L số tiền 44.500.000 đồng tiền hụi chết, 6.000.000 đồng tiền vay góp và đồng ý trả cho vợ chồng ông L nhưng xin được trả dần mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng.

Nguồn gốc của số tiền này là trong dây hụi 3.000.000đ mở ngày 25/3/2015 âm lịch đến tháng 12/2016 âm lịch mãn hụi, bà H tham gia 1 phần chung với ông D, bà Phó chủ nhà nghỉ Thịnh Phát ở xã N. Tháng 4/2015 bà H và ông D cùng hốt phần hụi này và sau đó vợ chồng bà H đã đóng hụi chết đến tháng 9/2016 âm lịch, từ tháng 10/2016 âm lịch đến tháng 12/2016 âm lịch thì ngưng đóng. Trong dây hụi này vợ chồng bà H xác định còn thiếu ông L 3 tháng hụi chết với số tiền **4.500.000 đồng** (1.500.000 đồng x 3). Dây hụi 5.000.000đ mở ngày 5/9/2015 đến tháng 5/2017 mãn

hụi, có 22 phần hụi, vợ chồng bà H tham gia 1 phần và hốt vào tháng đầu tiên với số tiền nhận được là 100.000.000 đồng từ ông L, khi nhận tiền có viết giấy chồng tiền hụi, vợ chồng bà H cùng ký vào giấy và giao cho ông L giữ. Sau khi hốt hụi, vợ chồng bà H đóng hụi chết từ tháng 10/2015 đến tháng 9/2016 thì ngưng; còn thiếu ông L 8 tháng hụi chết với số tiền **40.000.000 đồng** (5.000.000 đồng x 8). Ngoài ra vợ chồng bà H có vay tiền góp của vợ chồng ông L, đã trả một phần và hiện còn thiếu lại **6.000.000** đồng chưa trả.

Bị đơn - ông Huỳnh Ngọc T trình bày: Ông T là chồng của bà H. Trong tổng số tiền bà H công nhận còn thiếu ông L 50.500.000 đồng thì ông T chỉ biết và có tham gia xác lập giao dịch số tiền 40.000.000 đồng tiền hụi; còn lại ngoài số tiền này thì ông T không biết bà H hốt hụi dùng vào mục đích gì. Do đó ông T không đồng ý cùng bà H trả tiền còn thiếu cho vợ chồng ông L.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan – bà Huỳnh Thị N trình bày: Bà N và ông Trần Kỳ L là vợ chồng. Số tiền mà vợ chồng bà H còn nợ từ việc tham gia chơi huê hụi và nợ tiền vay góp là tài sản chung của vợ chồng ông L, bà N; nên bà N yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà N.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp Hnh pháp luật của các đương sự trong vụ án: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- *Quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kỳ L. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H, ông Huỳnh Ngọc T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Trần Kỳ L, bà Huỳnh Thị N số tiền 50.500.000đ. Buộc vợ chồng bà H, ông T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày, nghe tranh luận; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Xuất phát từ việc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H, ông Huỳnh Ngọc T tham gia chơi hụi do ông Trần Kỳ L làm chủ và vay tiền theo hình thức góp của vợ chồng ông L. Tuy nhiên, sau khi hốt hụi và vay tiền góp,

cho đến nay đã mãn hụi nhưng vợ chồng bà H không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết và trả tiền vay nên ông L đã khởi kiện vợ chồng bà H, ông T tại Tòa án, yêu cầu phải trả số tiền còn nợ. Bị đơn - vợ chồng bà H, ông T công nhận có tham gia chơi hụi, vay tiền góp và đồng ý trả tiền số tiền còn nợ cho vợ chồng ông L nhưng hai bên chưa thống nhất được phương thức trả số tiền còn thiếu. Do đó HĐXX thấy có đủ cơ sở để xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là *"Tranh chấp về hụi" và "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463, 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Trần Kỳ L:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – ông Trần Kỳ L yêu cầu buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H, ông Huỳnh Ngọc T phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông L số tiền **50.500.000 đồng,** trong đó có 44.500.000 đồng tiền hụi và 6.000.000 đồng tiền vay, không yêu cầu tính lãi. Bởi vì:

- Trong dây hụi 3.000.000đ mở ngày 25/3/2015 âm lịch, tháng 12/2016 âm lịch mãn hụi do ông L làm chủ; vợ chồng bà H với vợ chồng ông Châu D ở thôn 7, xã N tham gia 1 phần (vợ chồng bà H tham gia ½ phần, tương ứng số tiền 1.500.000 đồng và vợ chồng ông D tham gia ½ phần, tương ứng số tiền 1.500.000 đồng). Đến tháng 4/2015 bà H và ông D cùng hốt chân hụi này. Sau khi hốt phần hụi này, ông D đóng hụi chết đầy đủ nhưng phần bà H chỉ đóng hụi chết đến tháng 8/2016 âm lịch thì ngưng, số tiền hụi chết từ thời điểm ngưng đóng hụi đến thời điểm mãn hụi là 4 tháng (từ tháng 9/2016 âm lịch đến tháng 12/2016 âm lịch), tương ứng số tiền hụi chết phải đóng là 6.000.000 đồng, vợ chồng ông L phải lấy tiền gia đình để đóng thay cho vợ chồng bà H. Tuy nhiên, trong dây hụi này bà H chỉ công nhận còn thiếu lại ông L 03 tháng hụi chết, tương ứng số tiền 4.500.000 đồng chứ không phải 4 tháng. Số tiền hai bên chưa thống chỉ là 1.500.000 đồng, trị giá không lớn nên ông L chấp nhận theo lời trình bày của bà H và chỉ yêu cầu bà H phải trả số tiền hụi chết trong dây hụi này là **4.500.000 đồng**.

- Trong dây hụi 5.000.000đ, mở ngày 5/9/2015 âm lịch đến tháng 5/2017 âm lịch mãn hụi, do ông L làm chủ; bà H tham gia 1 phần vào tháng đầu tiên. Sau khi hốt phần hụi này, bà H đóng hụi chết từ tháng 10/2015 âm lịch đến tháng 9/2016 âm lịch thì ngưng; số tiền hụi chết từ thời điểm ngưng đóng hụi đến thời điểm mãn hụi là 8 tháng (từ tháng 10/2016 âm lịch đến tháng 5/2017 âm lịch), tương ứng số tiền hụi chết phải đóng là **40.000.000 đồng,** vợ chồng ông L phải lấy tiền gia đình để đóng thay cho vợ chồng bà H.

Ngoài chơi hụi, trong quá trình làm ăn với nhau; vợ chồng bà H còn vay của vợ chồng ông L số tiền 6.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp theo ngày nhưng sau đó cũng không thực hiện, số tiền đã vay **6.000.000 đồng** đến nay vẫn chưa trả. Như vậy, tổng số tiền vừa hụi chết, vừa tiền vay mà vợ chồng bà H thiếu vợ chồng ông L là 50.500.000 đồng. Số tiền mà vợ chồng bà H còn thiếu là tài sản chung của vợ chồng ông L, bà N.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn - bà H công nhận có tham gia chơi hụi do ông L làm chủ, có vay tiền trả góp của vợ chồng ông L; hình thức, số tiền hụi và các phần hụi

như ông L đã trình bày là đúng. Bà H cũng công nhận hiện nay còn thiếu lại ông L số tiền hụi chết 44.500.000 đồng trong hai dây hụi và 6.000.000 đồng tiền vay góp theo như ông L đã trình bày. Bà H đồng ý trả số tiền còn thiếu cho vợ chồng ông L chứ không có ý kiến gì. Tuy nhiên, bà H đề nghị được trả dần, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nhưng ông L không đồng ý. Do các bên đương sự không thống nhất được phương thức trả tiền nên Tòa án không thể hòa giải thành mà phải đưa vụ án ra xét xử công khai. Như vậy, giữa ông L với bà H đã thống nhất được với nhau về quan hệ tranh chấp, về số tiền nợ phải trả. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và 471 BLDS 2015.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Tại phiên Tòa, ông T chồng bà H cho rằng số tiền còn thiếu ông L chỉ có 40.000.000 đồng là ông T có tham gia và biết, còn lại đều do bà H tự xác lập, sử dụng tiền vào mục đích gì ông T không biết nên không đồng ý cùng bà H trả nợ cho vợ chồng ông L. Tuy nhiên, cũng tại phiên Tòa thì ông T, bà H công nhận hiện nay vẫn là vợ chồng, vẫn đang sống và làm ăn chung, có tài sản chung với nhau. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định số tiền mà bà H còn nợ của ông L là nợ chung của vợ chồng bà H, ông T chứ không phải nợ riêng của bà H. Theo đó cần buộc vợ chồng bà H, ông T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông L, bà N là phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật HNGĐ năm 2014.

[4] Xét về các yêu cầu khác của nguyên khác: Quá trình khởi kiện, ngoài yêu cầu vợ chồng bà H, ông T phải trả tiền hụi chết ở dây hụi 3.000.000đ mở ngày 25/3/2015 âm lịch và dây hụi 5.000.000đ mở ngày 5/9/2015 âm lịch thì ông L còn yêu cầu vợ chồng bà H phải trả 27.000.000đ tiền hụi chết trong dây hụi mở ngày 15/8/2015 do bà Phạm Thị Tự tham gia sau đó chuyển nghĩa vụ cho bà H đóng thay hụi chết. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông L xin rút phần yêu cầu khởi kiện này đối với vợ chồng bà H, ông T; HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu của ông L là tự nguyện nên cần chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà ông L đã rút là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 BLTTDS.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông L được chấp nhận nên cần buộc vợ chồng bà H, ông T phải liên đới nộp án phí DS/ST; hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí DS/ST cho ông L là phù hợp với quy định tại các Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường;

- Điều 37 Luật HNGĐ năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kỳ L. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H và ông Huỳnh Ngọc T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Trần Kỳ L, bà Huỳnh Thị N số tiền **50.500.000 đồng**. Chia phần bà H và ông T mỗi người phải trả cho vợ chồng ông L, bà N số tiền **25.250.000 đồng**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi Hnh án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau: Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm; Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm; Theo quy định khác của pháp luật (nếu có).

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Trần Kỳ L về việc buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H, ông Huỳnh Ngọc T phải trả số tiền 27.000.000đ.

Về án phí:

- Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H, ông Huỳnh Ngọc T phải liên đới nộp 2.525.000 án phí dân sự sơ thẩm. Chia phần bà H và ông T mỗi người phải nộp 1.262.500 đồng án phí DSST.

- Hoàn lại cho ông Trần Kỳ L số tiền 2.075.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0011942, ngày 17/5/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/9/2017. (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự……;
- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hạ Hải Hồ